TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/**2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Em**

2- Ông **Nguyễn Tống Nê**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Linh Duy** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 496/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê D**, sinh năm: 1962, địa chỉ: ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

2.Bị đơn: Bà **Võ Thị Hồng S,** sinh năm: 1962, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại Toà. .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải ông D trình bày:

Vợ chồng ông bà do quen biết rồi tự nguyện kết hôn vào năm 1983. Ông và bà S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được nhiều năm. Đầu năm 2016, ông bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2016, ông bị mổ thoát vị đĩa đệm, mọi sinh hoạt rất bất tiện, cần có người phụ chăm sóc nhưng bà S không quan tâm, lo lắng cho ông, thậm chí bà S còn có lời nói cho rằng ông dành đất đai với con trong khi đất đai chỗ tôi đang ở là của cha mẹ tôi để lại còn phần đất là tài sản chung của vợ chồng thì bà S và các con đang quản lý sử dụng; Cũng trong năm 2016 ông về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ở đó một mình do cha mẹ ruột đã mất, không có mối quan hệ tình cảm nam nữ với người khác giới. Thời gian ông chính thức không chung sống cùng bà S đến nay là 7 năm. Trong 7 năm đó mọi thứ liên quan đến cuộc sống của ông chủ yếu do ông tự lo cho bản thân mình; thỉnh thoảng bản thân ông đau bệnh thì có con cái phụ chăm. Ông cũng không quan tâm đến cuộc sống của bà S. Hiện bà S sống như thế nào ông không biết; khi bà S đau bệnh thì ông có biết do các con nói lại cho ông nghe nhưng ôngcũng không chăm lo gì cho bà S mà các con ông tự lo.Thỉnh thoảng ông có đi ngang qua nhà cũ của ông với bà S rồi ghé vào thăm nhà cửa vì tiện đường đi công việc riêng, chứ không phải về nhà thăm bà S. Ông bà đã không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau 07 năm nay, ông cũng không muốn bà S có liên quan gì đến cuộc sống của ông. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu ly hôn bà S. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Hồ T, sinh ngày 15/4/1984, Lê Anh P, sinh ngày 08/02/1987, Lê Phương L, sinh ngày 29/12/1988. Hiện tại cháu T, cháu P và cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Theo bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà S trình bày:

Bà thống nhất những lời trình bày của ông D về thời điểm ông bà kết hôn.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông hạnh phúc được rất nhiều năm. Bà và ông D không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng có ự cãi nhỏ giữa vợ chồng với nhau. Từ năm 2016, ông D mổ thoát vị đĩa đệm thì tôi và các con vẫn chăm sóc ông

D bình thường. Khi về nhà ở thì ông D viện lý do hàng xóm hát karaoke ồn ào nên tự ý về nhà cha mẹ ruột ở. Tính đến nay ông D đã ở riêng không chung sống cùng bà là 7 năm. Trong thời gian ông D ở riêng, bà có nghe ông D rồi những người khác nói lại là ông D có quen bạn khác giới chứ bà không có chứng cứ chứng minh. Từ khi ông bà ở riêng, bà vẫn ghe nhà của cha mẹ để thắp nhang, tới lui thăm ông D mỗi khi ông bệnh, rồi gửi con gái mang đồ ăn qua cho ông D nhưng những lần bà tới thăm ông D, thì ông D không có nói chuyện gì với bà. Ông D không có quan tâm gì đến sức khỏe, cuộc sống của bà; mỗi lần bà bị bệnh hay đi lên thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh lấy thuốc là con của bà chở đi chứ ông D không hỏi thăm hay chăm sóc gì bà. Mặc dù đã mạnh ai người đó sống 7 năm nhưng bà không đồng ý ly hôn, vì bà còn thương ông D; hơn nữa ông D đã lớn tuổi, sống một mình cần người phụ chăm sóc, tôi mong muốn tôi và các con chăm sóc cho ông D. Bà cũng lo lắng sợ khi ông D ly hôn bà thì phần tài sản của cha mẹ để lại ông D bán hết mà không để lại cho các con, nhưng lý do chính để bà không đồng ý ly hôn ông D là vì bà còn thương ông D.

Trường hợp Toà án giải quyết cho ông D ly hôn với bà thì bà không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung như ông D trình bày. Con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D với bà S. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét đến. Tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có; Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà S hiện đang sinh sống tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông D và bà S tự nguyện kết hôn vào năm 1983, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông D, bà S phát sinh mâu thuẫn, ông D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà S, yêu cầu của ông D được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông D xác định đã không còn tình cảm với bà S nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà S.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng ông D, bà S hàn gắn tình cảm nhưng trong quá trình hòa giải các bên vẫn không hàn gắn được.

Theo xác minh của Tòa án thể hiện ông D, bà S đã không chung sống cùng nhau 07 năm nay. Bản thân bà S cho rằng bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông D, không đồng ý ly hôn với ông D, tuy nhiên bà không có cách gì để vợ chồng bà đoàn tụ, bà cũng không xác định được thời gian bao lâu để vợ chồng bà có thể hàn gắn. Qua hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà S cũng thừa nhận rằng 07 năm nay bà và ông D không sống chung. Cũng trong thời gian này, mặc dù bà S vẫn thể hiện thái độ quan tâm, chăm sóc ông D với mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng ông D luôn từ chối, không muốn liên quan gì đến bà; Ông D vẫn đang ở nhà cha mẹ ruột và thể hiện thái độ không quan tâm gì đến cuộc sống hàng ngày, sức khỏe của bà S; Bản thân ông D cũng không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D, bà S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của ông D1 bà S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận ông D, bà S không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về con chung: ông D bà S thừa nhận có 03 người con chung lần lượt là Lê Hồ T, sinh ngày 15/4/1984, Lê Anh P, sinh ngày 08/02/1987, Lê Phương L, sinh ngày 29/12/1988. Hiện các con chung của ông, bà đã trưởng thành, ông D, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D, bà S tự thỏa thuận

[2.4] Nợ chung: Ông D, bà S khai không có.

[2.5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*), ôngDũng phải nộp nhưng do ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lê D được ly hôn với bà Võ Thị Hồng S.

Quan hệ hôn nhân của ông D, bà S chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông D, bà S không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 03 người con chung là Lê Hồ T, sinh ngày 15/4/1984, Lê Anh P, sinh ngày 08/02/1987, Lê Phương L, sinh ngày 29/12/1988. Hiện các con chung của ông, bà đã trưởng thành,ông D, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét đến.

3.Về tài sản chung: Ông D, bà S tự thỏa thuận

4. Nợ chung: Ông D, bà S khai không có.

5.Về án phí: Ông D được miễn án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự hoàn lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số 0000742 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã Tường Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA